

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐỒNG THÁP**

**KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT CHUYÊN  
NĂM HỌC 2012 – 2013**

**ĐỀ CHÍNH THỨC**

*(Đề thi gồm có 01 trang)*

**ĐỀ THI MÔN: ĐỊA LÍ**

Ngày thi: 27/6/2012

Thời gian làm bài: 150 phút *(không kể thời gian phát đề)*

**Câu 1:** *(2,0 điểm)*

- a. Nêu đặc điểm sông ngòi Nam Bộ ở nước ta.
- b. Sông ngòi nước ta đem lại những thuận lợi và khó khăn gì đối với đời sống và sản xuất?

**Câu 2:** *(2,0 điểm)*

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam (trang Dân số), em hãy trình bày đặc điểm phân bố dân cư của nước ta.

**Câu 3:** *(3,0 điểm)*

Cho bảng số liệu:

*Cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây ở nước ta (nghìn ha).*

Các nhóm cây	Năm	
	1990	2002
Cây lương thực	6474,6	8322,3
Cây công nghiệp	1199,3	2336,3
Cây thực phẩm, cây ăn quả...	1366,1	2172,8

a. Hãy vẽ biểu đồ hình tròn thể hiện cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây năm 1990 và 2002.

b. Từ bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ, hãy nhận xét sự thay đổi tỉ trọng diện tích gieo trồng của các nhóm cây giai đoạn 1990 – 2002 và cho biết sự thay đổi này nói lên điều gì?

**Câu 4:** *(3,0 điểm)*

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam:

a. Kể tên 3 loại cây công nghiệp lâu năm quan trọng nhất ở Tây Nguyên và nêu sự phân bố của chúng.

b. Điều kiện tự nhiên ở Tây Nguyên có những thuận lợi và khó khăn gì trong phát triển cây công nghiệp lâu năm? **HẾT.**

*Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam của nhà xuất bản Giáo dục.*

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI CHÍNH THỨC  
MÔN: ĐỊA LÍ

(Hướng dẫn chấm gồm có 02 trang)

I. Hướng dẫn chung

1. Nếu thí sinh làm bài theo cách khác so với hướng dẫn chấm nhưng lập luận chặt chẽ, đưa đến kết quả đúng thì giám khảo chấm đủ số điểm từng phần như hướng dẫn quy định.

2. Việc chi tiết hóa (nếu có) thang điểm trong hướng dẫn chấm phải đảm bảo không làm sai lệch hướng dẫn chấm và phải thống nhất thực hiện trong toàn Hội đồng chấm thi.

II. Đáp án và thang điểm

Câu 1: (2,0 điểm)

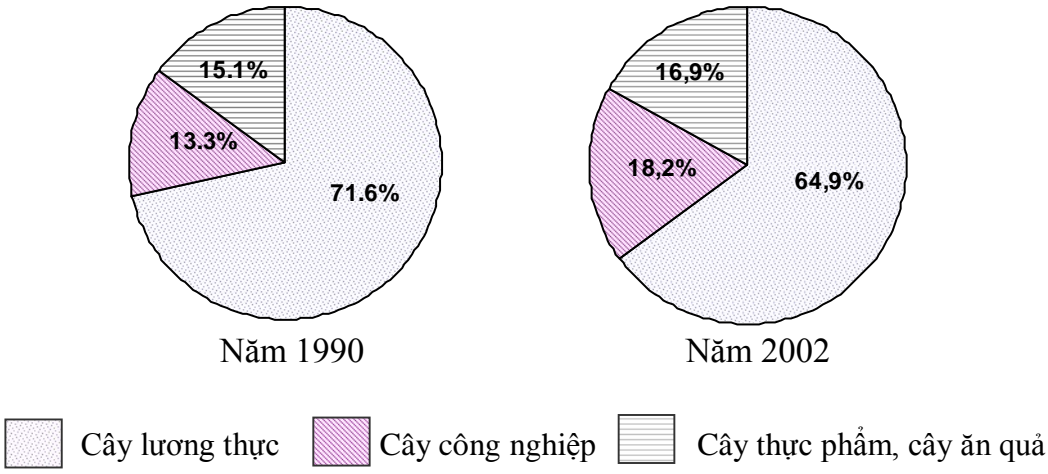
	Đáp án	Điểm
a.	<b>Đặc điểm sông ngòi Nam Bộ ở nước ta:</b>	
	- Lượng nước lớn, chế độ nước khá điều hòa do địa hình tương đối bằng phẳng, khí hậu điều hòa.	0,5
	- Mùa lũ từ tháng 7 đến tháng 11.	0,25
	- Có 2 hệ thống sông lớn là hệ thống sông Mê Công và hệ thống sông Đồng Nai.	0,25
b.	<b>Thuận lợi:</b> Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thủy điện, thủy sản, giao thông vận tải, du lịch.	0,75
	<b>Khó khăn:</b> Chế độ nước thất thường, gây ngập úng một số khu vực ở đồng bằng sông Cửu Long, lũ quét ở miền núi, thiếu nước vào mùa khô.	0,25

Câu 2: (2,0 điểm)

	- Dân cư nước ta phân bố không đều:	0,25
	+ Tập trung đông đúc ở các đồng bằng, ven biển và các đô thị.	0,75
	+ Dân cư thưa thớt ở các miền núi.	0,25
	+ Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất.	0,25
	+ Tây Bắc và Tây Nguyên có mật độ dân số thấp nhất.	0,25
	- Phân bố dân cư giữa thành thị và nông thôn cũng có sự chênh lệch nhau: khoảng 74% dân số sống ở nông thôn, 26% dân số sống ở thành thị (năm 2003).	0,25

Câu 3: (3,0 điểm)

a.	-Xử lý số liệu			0,5
		Năm		
	<b>Các nhóm cây</b>	<b>1990</b>	<b>2002</b>	
	Cây lương thực	71,6%	64,9%	
	Cây công nghiệp	13,3%	18,2%	
	Cây thực phẩm, cây ăn quả...	15,1%	16,9%	

	- Vẽ biểu đồ Yêu cầu: + Vẽ đẹp, chính xác về các số liệu trên biểu đồ.	1,25
	+ Có chú giải, tên biểu đồ.	0,25
	 <p>Năm 1990                      Năm 2002</p> <p> <span style="display: inline-block; width: 15px; height: 15px; background-color: #d3d3d3; border: 1px solid black; margin-right: 5px;"></span> Cây lương thực    <span style="display: inline-block; width: 15px; height: 15px; background-color: #e0b0ff; border: 1px solid black; margin-right: 5px;"></span> Cây công nghiệp    <span style="display: inline-block; width: 15px; height: 15px; background: repeating-linear-gradient(45deg, transparent, transparent 2px, #ccc 2px, #ccc 4px); border: 1px solid black; margin-right: 5px;"></span> Cây thực phẩm, cây ăn quả </p> <p>Biểu đồ cơ cấu diện tích gieo trồng phân theo nhóm cây ở nước ta năm 1990 và 2002</p>	
<b>b.</b>	<b>Nhận xét:</b>	
	- Tỷ trọng diện tích gieo trồng cây lương thực giảm 6,7% (từ 71,6% xuống 64,9%).	0,25
	- Tỷ trọng diện tích gieo trồng cây công nghiệp, cây thực phẩm và cây ăn quả tăng (từ 13,3% lên 18,2% và từ 15,1% lên 16,9%).	0,25
	- Sự thay đổi này cho thấy nước ta đang chuyển từ nền nông nghiệp chủ yếu độc canh cây lúa sang đẩy mạnh sản xuất nhiều loại cây công nghiệp và cây trồng khác.	0,5

**Câu 4: (3,0 điểm)**

<b>a.</b>	<b>- Tên 3 loại cây công nghiệp lâu năm quan trọng nhất ở Tây Nguyên:</b> cà phê, chè, cao su. (nếu đúng từ 1 đến 2 ý đạt 0,25 điểm)	0,5
	<b>- Nhận xét sự phân bố:</b>	
	+ Cà phê chủ yếu ở Đắk Lắk, Gia Lai, Lâm Đồng.	0,5
	+ Chè ở vùng cao Lâm Đồng, Gia Lai.	0,25
	+ Cao su ở Gia Lai, Đắk Lắk.	0,25
<b>b.</b>	<b>Những thuận lợi và khó khăn về tự nhiên trong phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên:</b>	
	<b>- Thuận lợi:</b>	
	+ Có địa hình cao nguyên xếp tầng rộng lớn.	0,25
	+ Khí hậu cận xích đạo, khí hậu cao nguyên thích hợp nhiều loại cây trồng.	0,5
	+ Diện tích đất badan lớn nhất cả nước (chiếm 66% diện tích đất badan cả nước).	0,25
	<b>- Khó khăn:</b>	
	Mùa khô kéo dài dẫn tới nguy cơ thiếu nước và cháy rừng.	0,5

----HẾT----